TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT
Ngày 01-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng vật liệu xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng***: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng cung ứng vật liệu;

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận V, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 26/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2020, số 57/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A (gọi tắt là Công ty A); địa chỉ trụ sở: Số 99, tổ 3, khu 4, phường K, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo pháp luật: bà Đỗ Thị I - Giám đốc; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trần Thanh C, sinh năm 1961; ĐKHKTT: M, N 1, quận O, Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Trương Thanh D , sinh năm 1983; ĐKHKTT: Số 6, phường P, quận O, Hà Nội; có mặt.

(Cả hai được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 01/2020/GUQ-TGĐ ngày 01/02/2020 của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A .)

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 (gọi tắt là B 15); địa chỉ trụ sở: Số 21A đường Q, phường T, quận V, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến J - Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị E , sinh năm 1961; ĐKHKTT: Nhà số 94, khu 4, thị trấn AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng - nhân viên của Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 ; có mặt.

2. Ông Phạm Tiến F, sinh năm 1972; ĐKHKTT: Số 01/09/26 đường Nguyễn U, phường X, quận W, thành phố Hải Phòng. Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính của Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 ; có mặt.

(Cả hai được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 .)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1971 - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hải Phòng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Bùi Vũ H - Đội trưởng Đội xây dựng số 3 thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 ; trú tại: Số 82/363 TL, phường VN, quận W, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/12/2016, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A , đại diện là bà Đỗ Thị I- Giám đốc và Công ty CP Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 , đại diện là ông Lê Tiến J - Giám đốc đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 368/2016/HĐNT về việc cung cấp vật liệu. Trong hợp đồng hai bên đã thống nhất thỏa thuận: Công ty A đồng ý cung cấp, B 15 đồng ý mua các loại vật liệu

theo tiêu chuẩn của Dự án được TVGS, chủ đầu tư chấp thuận đưa vào dự án để thi công công trình Đường công vụ trong ngoài công trường Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ Quảng Ninh. Trong hợp đồng các bên còn thỏa thuận về tên vật liệu, quy cách, chất lượng của vật liệu, tiến độ thực hiện hợp đồng, đơn giá, phương thức giao nhận, nghiệm thu, thanh toán, trách nhiệm của các bên và cam kết chung.

Sau khi ký hợp đồng, từ tháng 12/2016 đến hết tháng 5/2017 Công ty A đã nhiều lần cung cấp các loại vật liệu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho B 15 , các lần giao nhận hàng đều có đại diện của B 15 - ông Bùi Vũ H là Đội trưởng Đội xây dựng số 3 thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 (người được giao nhiệm vụ tại Hợp đồng số 368/2016/HĐNT) ký xác nhận tổng khối lượng thanh toán, Biên bản xác nhận công nợ … và Công ty A đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Công ty A đã xuất 21 hóa đơn với giá trị tiền hàng xuất bán là 8.560.482.960 đồng. Trong quá trình giao nhận hàng hóa B 15 không có khiếu nại thắc mắc gì về số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian, địa điểm giao nhận hàng…; B 15 đã thanh toán được 07 lần với tổng số tiền là 4.869.730.000 đồng; cụ thể là: Ngày 11/01/2017 trả 169.730.000 đồng, ngày 12/01/2017 trả 350.000.000 đồng, ngày 18/01/2017 trả 1.000.000.000 đồng, ngày 25/01/2017 trả 1.500.000.000 đồng, ngày 08/3/2017 trả 1.000.000.000 đồng, ngày 05/4/2017 trả 400.000.000 đồng và ngày 20/4/2017 trả 450.000.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/5/2017, B 15 còn nợ Công ty A số tiền mua hàng chưa thành toán là 3.690.752.960 đồng.

Sau nhiều lần đôn đốc nợ, B 15 không thanh toán nợ nên Công ty A khởi kiện yêu Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 phải thanh toán trả hết nợ cho Công ty A như sau:

- Trả số tiền mua hàng chưa thành toán là 3.690.752.960 đồng.

- Trả lãi chậm trả trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/8/2019 là: 3.690.752.960 đồng x 0,042%/ngày x 749 ngày = 1.161.037.066 đồng.

- Phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ do mua hàng.

Đại diện bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

B 15 xác nhận B 15 và Công ty A có ký Hợp đồng nguyên tắc 368/2016/HĐNT ngày 05/12/2016 về việc cung cấp vật liệu như Công ty A trình bày là đúng; các bên tự nguyện ký kết không bị lừa đối, ép buộc. Trong Hợp đồng tại phần Trách nhiệm của các bên, B 15 đã giao cho ông Bùi Vũ H - Đội trưởng đội xây dựng số 3 là nhân viên của B 15 là người trực tiếp thực hiện

và thanh toán hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Vũ H đã trực tiếp nhận hàng từ Công ty A và làm thủ tục đề nghị B 15 thanh toán cho Công ty A ; B 15 đã thanh toán 07 lần, số tiền đã trả là 4.867.730.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 11/01/2017 trả 169.730.000 đồng, ngày 12/01/2017 trả 350.000.000 đồng, ngày 18/01/2017 trả 1.000.000.000 đồng, ngày 25/01/2017 trả 1.500.000.000 đồng, ngày 08/3/2017 trả 1.000.000.000 đồng, ngày 05/4/2017 trả 400.000.000 đồng và ngày 20/4/2017 trả 450.000.000 đồng. Theo tài liệu ông Hải gửi về Công ty thì B 15 chỉ còn nợ Công ty A số tiền là 230.270.960 đồng; sau ngày 22/4/2017 ông Hải không chuyển thêm bất kỳ tài liệu nào cho Công ty đồng thời ông Hải đã không còn làm việc tại B 15 nên B 15 không có tài liệu đối chiếu công nợ, xác nhận nợ đối với Công ty A . Vì vậy, B 15 không đồng ý thanh toán cho Công ty A 3.690.752.960 đồng là tiền mua hàng chưa thanh toán và 1.161.037.066 đồng là lãi chậm trả trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/8/2019. B 15 yêu cầu phải đưa ông Bùi Vũ H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để ông Hải cung cấp tài liệu cho B 15 và đề nghị thanh toán như những lần thanh toán trước đó thì B 15 mới chấp nhận thanh toán cho Công ty A .

Đối với mức áp dụng lãi suất chậm trả: B 15 không đồng ý áp dụng mức lãi suất chậm trả là 0,042%/ngày; đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

I. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Với nội dung như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận V, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các điều 147, 173, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 282, 438 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 24, 50, 55, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Án lệ số 09, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A: Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 phải trả Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A số tiền 4.768.858.607 đồng (Bốn tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh bảy đồng); trong đó 3.690.752.960 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng) là tiền mua hàng chưa thanh toán, 1.078.105.847 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm linh năm nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng) là tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/8/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương tứng với thời gian chập trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao".

Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A về việc buộc Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 phải thanh toán số tiền 82.931.219 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm mười chín đồng) là khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán tiền hàng.

Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 phải chịu 119.688.586 đồng (Một trăm mười chín triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A phải chịu 4.146.560 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007735 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V, thành phố Hải Phòng, hoàn trả Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A số tiền là 55.353.430 đồng (Năm mươi năm triệu ba tăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

II. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2020 Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận V, thành phố Hải Phòng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân quận V đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đánh giá chứng cứ không khách quan, tuyên sai lệch với thực tế, không đúng bản chất vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

III. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo - bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đồng thời ngày 12/5/2020, ngày 26/5/2020 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được đơn trình bày, đơn đề nghị của đại diện bị đơn có liên quan đến nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân quận V, thành phố Hải Phòng, cụ thể:

- Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 3.960.752.960 đồng.

- Đối với số tiền lãi chậm thanh toán: Trong hợp đồng các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất, tại phiên tòa sơ thẩm các bên không thống nhất được về mức lãi suất nên áp đúng quy định của pháp luật, cụ thể là theo Điều 306 Luật Thương mại. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng tại thời điểm thanh toán là 14%/năm như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán 82.931.219 đồng là khoản lãi trên số tiền chậm thanh toán tiền hàng.

- Bị đơn còn phải chịu số tiền lãi chậm thi hành án tính trên toàn bộ số tiền còn phải thi hành án và lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng cung ứng vật liệu giữa hai công ty, cả hai đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Công ty A khởi kiện B 15 . B 15 có trụ sở tại phường T, quận V, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận V thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự; thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Vắng ông Trần Thanh C - Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; tại văn bản ủy quyền số 01/2020/GUQ-TGĐ ngày 01/02/2020 của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A đã ủy quyền cho ông Trần Thanh C và ông Trương Thanh D . Ông D có mặt tại phiên tòa, nội dung văn bản có nêu " …Trường hợp, một trong hai người được ủy quyền nêu trên vắng mặt thì ý kiến của người có mặt cũng chính là ý kiến của người vắng mặt". Xét thấy việc vắng mặt của ông Phương không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Vì vậy, HĐXX không hoãn phiên tòa và tiếp tục xét xử. Đối với ông Bùi Vũ H: Vụ án đã đưa ra xét xử nhiều lần và đã triệu tập ông Hải theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Hải đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Hải không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử.

- Xét kháng cáo của bị đơn:

[4] Yêu cầu triệu tập và đưa ông Bùi Vũ H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. HĐXX xét thấy:

[4.1] Về việc triệu tập ông Bùi Vũ H: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần với nhiều hình thức theo quy định của pháp luật đối với ông Bùi Vũ H là đội trưởng đội xây dựng của bị đơn đến Tòa án để làm rõ những vấn đề theo yêu cầu của bị đơn nhưng ông Hải đều vắng mặt. Do vậy căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy việc vắng mặt của ông Hải không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án và vẫn tiếp tục giải quyết là không vi phạm tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Hiệu lực của Hợp đồng 368/2016/HĐNT ngày 05/12/2016 về việc cung ứng vật liệu xây dựng: Xét thấy, Hợp đồng này được ký kết giữa Công ty

Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 và Công ty Cổ phần Xây dựng - Đầu tư Phát triển B 15 . Đây là hai doanh nghiệp có đủ tư cách pháp nhân và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của hai công ty trực tiếp ký tên, đóng dấu của pháp nhân vào Hợp đồng. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, các điều khoản của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, hai bên đều thừa nhận được quy định tại các điều 122, 123, 124, 141 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 24 Luật thương mại năm 2005 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[4.3] Quá trình thực hiện Hợp đồng số 368/2016/HĐNT thể hiện ông Bùi Vũ H là người được bị đơn giao nhiệm vụ. Việc thanh toán hợp đồng là do bị đơn thanh toán, được quy định tại điểm 6.1. Điều 6 của hợp đồng quy định Trách nhiệm của bên A (B 15): " - *Giao ông Bùi Vũ H trưởng đội xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán theo hợp đồng này"..., "Thanh toán cho bên B (Công ty A) theo đúng điều khoản được xác lập trong hợp đồng này*".

[4.4] Ông Hải đã thực hiện công việc theo hợp đồng được hai bên xác nhận, cụ thể: Ông Hải trực tiếp nhận hàng do nguyên đơn giao; trong các bản báo giá, Bản tổng hợp khối lượng giao nhận vật tư, các hóa đơn giá trị gia tăng, các biên bản xác nhận giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng, Biên bản đối chiếu công nợ ông Hải đều ký xác nhận ở bên mua hàng - đại diện cho bị đơn. Bên mua hàng và bên nhận hàng không thắc, khiếu nại gì, điều đó xác định nguyên đơn đã giao hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[4.5] Trên cơ sở các giấy tờ ông Hải ký xác nhận: Theo quy định Tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 368/2016/HĐNT ngày 05/12/2016 hai bên đã thỏa thuận: *"Bên B thanh toán cho bên A theo từng đợt, khi bên B cung cấp vật liệu cho bên A đạt khoảng 3.000m^3 hoặc theo từng tháng (tùy điều kiện nào đến trước) thì hai bên tiến hành đối chiếu, nghiệm thu khối lượng. Sau đó bên B xuất hóa đơn VAT cho bên A, bên A sẽ thanh toán tiền hàng cho bên B trong thời gian 07 ngày.."*. Nguyên đơn đã giao hàng và xuất hóa đơn VAT cho bị đơn, lần cuối cùng vào ngày 10/5/2017, bị đơn đã thanh toán 07 lần, lần cuối cùng thanh toán là ngày 20/4/2017; tổng số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn là 4.867.730.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/5/2017 xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn 3.690.752.960 đồng.

[4.6] Như vậy với tài liệu và chứng cứ như đã phân tích ở trên có đủ căn cứ khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng còn thiếu là 3.690.752.960 đồng cùng số tiền lãi của số tiềng hàng do chậm thanh toán là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

[4.7] Với những lý do bị đơn đưa ra như ông Bùi Vũ H - Đội trưởng đội xây dựng số 3 thuộc B 15 là người trực tiếp thực hiện hợp đồng nhưng chưa

chuyển hết tài liệu chứng từ thanh toán về cho công ty; những chứng từ do ông Hải chuyển về chỉ thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn 230.270.960 đồng, ông Hải đã tự ý nghỉ việc từ tháng 3/2019, cần có mặt ông Hải để đối chiếu công nợ và một số lý do khác nên bị đơn không thanh toán tiếp cho nguyên đơn là không có căn cứ. Đó là công việc nội bộ hành chính giữa bị đơn với ông Bùi Vũ H, nguyên đơn không buộc phải biết và chịu trách nhiệm về những công việc giữa ông Hải với bị đơn. Ông Hải chỉ là người biết và không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của bị đơn với nguyên đơn, ông Hải đã làm xong nhiệm vụ được giao trong hợp đồng. Mặt khác, theo Điều 283 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ dân sự thông qua người thứ ba: *"Khi được bên có quyền đồng ý, bên có nghĩa vụ có thể uỷ quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm với bên có quyền, nếu người thứ ba không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự".* Nếu ông Hải không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thì bị đơn vẫn phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Những vướng mắc giữa ông Hải với bị đơn nếu có thật như bị đơn nêu ở trên thì hai bên giải quyết trong nội bộ công ty. Nếu không giải quyết được thì các bên có thể khởi kiện bằng một việc kiện khác.

[4.8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Bùi Vũ H là người làm chứng và không đưa ông Hải vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại Điều 13 của Luật doanh nghiệp 2014, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 không vi phạm tố tụng. B 15 phải có nghĩa vụ thanh toán 3.690.752.960 đồng tiền hàng cùng số tiền nợ lãi chậm trả theo quy định đo đó không chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị E vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[5.1] Xét văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019 của bị đơn do ông Phạm Tiến F giao nộp cho Tòa án nhân dân quận V vào ngày 06/11/2019. Trong Văn bản ủy quyền này thể hiện người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị E và ông Phạm Tiến F nhưng phần cuối chỉ thể hiện ý chí của một người nhận ủy quyền là ông F mà không có chữ ký của bà E ; Ông F và bà E cũng không giao nộp cho Tòa án những giấy tờ tùy thân có liên quan đến người được ủy quyền. Như vậy thủ tục ủy quyền của ông F, bà E còn thiếu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận cả hai người được tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị đơn và tống đạt các văn bản tố tụng cho bà E , ông F theo đúng quy định của pháp luật là có tạo điều kiện cho các đương sự. Điều này được thực hiện thông qua phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

[5.2] Tại phiên tòa sơ thẩm: bà E vắng mặt, ông F và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn có mặt nhưng không ai có ý kiến gì về sự vắng mặt của bà E . Theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Đại diện là việc một người (sau đây gọi là người đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện"*. Việc bị đơn ủy quyền đồng thời cho hai người tham gia tố tụng pháp luật không cấm và đã được Tòa án chấp nhận. Trong hồ sơ thể hiện ông F tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử sơ thẩm. Ông F khẳng định ông đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người được ủy quyền. Như vậy, việc vắng mặt của bà E , Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án khi có một trong hai người được ủy quyền của bị đơn vắng mặt là vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của bị đơn trong vụ án và không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa.

[5.3] Ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có nhận được đơn trình bày về nguồn gốc của tài liệu là bản ghi âm ghi lại diễn biến khai mạc phiên tòa sơ thẩm được mở vào ngày 12/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận V của ông Phạm Tiến F. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông F thừa nhận việc ghi âm này không được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa và ông F không cung cấp được băng ghi âm này.

[5.4] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn vẫn ủy quyền cho bà Nguyễn Thị E và ông Phạm Tiến F tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị đơn. Bà E đã tham gia phiên tòa và được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người được ủy quyền. Như vậy một lần nữa khẳng định quyền và lợi ích của bị đơn trong vụ án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[5.5] Tuy nhiên tại phần đầu của Bản án sơ thẩm không có tên bà E tham gia tố tụng và không ghi nhận sự vắng mặt của bà E là có vi phạm. Tuy nhiên đã được khắc phục tại giai đoạn phúc thẩm. Việc này Tòa án cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm. Vậy nên không chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

[6]. Về mức lãi suất chậm trả: Trong Hợp đồng nguyên tắc số 368/2016/HĐNT ngày 05/12/2016 các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán; Biên bản đối chiếu công nợ chỉ ghi nhận khoản nợ mua hàng chưa thanh toán mà không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi chậm thanh toán; tại phiên tòa các bên cũng không thỏa thuận được vẫn đề này. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định*

khác”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi của số tiền mua hàng chậm trả là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Cụ thể: về mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử của ba ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 12,75%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 13,5 %/năm) là 14%/năm, tương ứng 1,16 %/tháng, tương ứng 0,039%/ngày.

[7] Về thời điểm tính lãi chậm trả: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2017 là không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết nhưng yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thời điểm tính lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/8/2019 là có căn cứ.

[8] Về số tiền lãi chậm trả: Số tiền chậm thanh toán đã được xác định là 3.690.752.960 đồng; Lãi chậm trả tính từ ngày 01/8/2017 đến 20/8/2019 là 749 ngày. Khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 3.690.752.960đ x 0,039% x 749 = 1.078.105.847 đồng. Khoản tiền lãi Tòa án không chấp nhận là 82.931.219 đồng.

[9] Về việc tuyên lãi suất thi hành án: Đối với phần lãi suất thi hành án trong bản án tuyên: “ *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương tứng với thời gian chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao”* là không đúng với điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định. Bởi lẽ, trong vụ án này số tiền còn phải thi hành án bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trong hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi, mức lãi suất cụ thể. Do vậy cần phải sửa án sơ thẩm và tuyên: “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*”.

[10] Từ những căn cứ phân tích nêu trên cho thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Về án phí:

[11.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu vượt quá không được Tòa

án chấp nhận. Bị đơn là Công ty B 15 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính phần án phí bị đơn phải chịu như sau: 112.000.000 + {(4.768.858.607 – 4.000.000.000) x 1%} = 119.688.586 đồng. Cách tính này không đúng với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo đó, số tiền án phí bị đơn phải chịu được tính như sau: 112.000.000 + {(4.768.858.607 - 4.000.000.000) x 0,1%} = 112.768.859 đồng. Do vậy, cần sửa phần án phí bị đơn phải chịu là 112.768.859 đồng.

[11.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38; các điều 147, 173, 180, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 122, 123, 124, 141, 280, 281, 282, 438 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 283, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 24, 50, 55; khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 13 của Luật doanh nghiệp 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân quận V, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 phải trả Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A số tiền nợ gốc là: 3.690.752.960 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng) và số tiền lãi chậm tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/8/2019 là: 1.078.105.847 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm linh năm nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng). Tổng cộng: 4.768.858.807 đồng (Bốn

tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A về việc buộc Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 phải thanh toán số tiền 82.931.219 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm mười chín đồng) là khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán tiền hàng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 phải chịu 112.768.859 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm năm mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương sơ thẩm. Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A phải chịu 4.146.560 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007735 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V, thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng A được nhận lại 55.353.440 đồng (Năm mươi năm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 không phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại Công ty Cổ phần Xây dựng – Đầu tư Phát triển B 15 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo theo Biên lai thu tạm ứng tiền án phí, lệ phí tòa án số 0007438 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án quận V, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận V;
- Chi cục THADS quận V;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Hải Hà

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương **Vũ Thị Thu Hà** **Lương Thị Hải Hà**